

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-PT

Ngày: 16 – 02 – 2023

V/v tranh chấp “Hội và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hội và hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2023/QĐ-PT 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kh sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Lung Ch, xã Định Th, huyện ĐH, tỉnh BLu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị Kh: Ông Đỗ Văn A, sinh năm 1952 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022). Địa chỉ: Ấp Lung Ch, xã Định Th, huyện ĐH, tỉnh BL (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Phan Minh Q, sinh năm 1979 (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Long Ph, xã An Ph, huyện ĐH, tỉnh BL.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đỗ Văn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kh trình bày:

Chị Nguyễn Thị U có tham gia hội do chị Đỗ Thị Kh làm chủ, các dây hội cụ thể sau:

- Loại hội 300.000 đồng khui ngày 10/5/2009, một tháng khui 01 lần, dây hội có tất cả 45 chung, chị U tham gia 05 chung. Sau khi tham gia thì chị U hốt ở kỳ khui thứ mấy thì không nhớ. Dây hội này còn nợ lại bao nhiêu thì không nhớ.

- Dây hội 500.000 đồng khui ngày 10/6/2008, một tháng khui 01 lần, dây hội có tất cả 35 chung, chị U tham gia 01 chung và đã hốt nhưng không nhớ ở kỳ khui thứ mấy và cũng không nhớ là dây hội này đã nợ bao nhiêu tiền.

- Dây hội 200.000 đồng khui ngày 15/02/2008, một tháng khui 01 lần hội có tất cả 42 chung, chị U tham gia 03 chung và đã hốt nhưng không nhớ ở kỳ khui thứ mấy và cũng không nhớ là dây hội này đã nợ bao nhiêu tiền.

- Dây hội 100.000 đồng khui ngày 15/4/2008, một tháng khui 01 lần, dây hội có tất cả 40, chị U tham gia 05 chung đã hốt nhưng không nhớ ở kỳ khui thứ mấy và cũng không nhớ là dây hội này đã nợ bao nhiêu tiền.

- Hội 300.000 đồng khui ngày 10/5/2009, một tháng khui 01 lần, dây hội có 35 chung, chị U tham gia 03 chung, đã hốt nhưng không nhớ ở kỳ khui thứ mấy và cũng không nhớ là dây hội này đã nợ bao nhiêu tiền.

Tất cả các dây hội trên hiện nay đã mất. Sau đó, chị U có vay của chị Kh số tiền 24.000.000 đồng. Tổng số tiền hội 186.000.000 đồng và tiền vay là 24.000.000 đồng, tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Vào ngày 10/02/2015 thì chị Nguyễn Thị U có viết giấy nhận nợ với chị Đỗ Thị Kh, giấy nhận nợ ghi là “Tờ Thỏa Thuận” nội dung thể hiện chị Nguyễn Thị U có nợ chị Đỗ Thị Kh số tiền 210.000.000 đồng. Sau khi hai bên làm tờ thỏa thuận nhận nợ thì chị Kh bỏ địa phương đi, có giao lại cho ông nên ông nhiều lần liên hệ đến nhà của chị U, anh Q để đòi nợ. Lần đòi nợ gần đây nhất vào ngày 27/12/2019 thì chị U có trả cho chị Kh bằng số tiền 1.000.000 đồng; ngày 19/02/2020 thì chị U có trả cho chị Kh số tiền 500.000 đồng.

Theo ông Đỗ Văn A xác định, do trước đây ông có thiếu nợ người khác nhưng ông không biết chủ nợ tên gì và địa chỉ ở đâu, để chứng minh người khác có thiếu nợ ông, nên ông có dẫn chủ nợ đến nhà anh Q, chị U để chứng minh cho chủ nợ là người khác có thiếu nợ. Thực chất ông không có gặt nợ gì của anh Q, chị U cho ai. Theo “Tờ thỏa thuận” đề ngày 10/02/2015 anh Phan Minh Q cung cấp thì ông xác định không đúng. “Tờ Thỏa thuận” ông cung cấp mới là tờ thỏa

thuận giữa chị Kh và chị U. “Tờ thỏa thuận” do anh Phan Minh Q cung cấp ông không biết, đó không phải là chữ ký của ông và chị Kh. Theo ông xác định “Tờ thỏa thuận” nhận nợ của chị Nguyễn Thị U thừa nhận có nợ của chị Đỗ Thị Kh số tiền 210.000.000 đồng do ông cung cấp là do ông Đỗ Hùng A, sinh năm 1965, địa chỉ ấp Lung Ch, xã Định Th, huyện ĐH, tỉnh BL viết dùm, chị U ký tên.

Nay, ông đại diện cho chị Kh yêu cầu chị U, anh Q giao trả số tiền vốn vay và hụi là 208.500.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị U trình bày: Trước đây chị không tham gia chơi hụi do chị Kh làm chủ như ông A trình bày. Chị chỉ chơi 05 chung hụi 300.000 đồng, sau khi tham gia thì chị có hốt hụi và có đóng lại hụi chết nhưng không đầy đủ, chị không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Chị Kh xác định vay tiền của người khác để lấp hụi cho chị và chị cũng đồng ý trả lãi nhưng trả bao nhiêu chị không nhớ, cứ nợ 1.000.000 đồng thì mỗi tháng trả 100.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, chị cũng có nhờ chị Kh vay số tiền 24.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian nào. Tổng số tiền chị nợ chị Kh khoảng 80.000.000 đồng. Nhưng do khoản nợ trên chị sử dụng để mua số đề của chị Kh, chồng chị không biết, chị dấu chồng nên đã làm “tờ thỏa thuận” chị đồng ý ký tên thừa nhận nợ của chị Kh số tiền 210.000.000 đồng để chị Kh không tới nhà chị đòi nợ. Chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị Kh vì chị đã trả nợ xong cho ông Nguyễn Văn V.

Bị đơn anh Phan Minh Q trình bày: Trước đây do chị U (vợ anh) có vay mượn tiền của chị Đỗ Thị Kh hay không thì anh không biết. Đến ngày 10/02/2015 ông Đỗ Văn A đã dẫn người tên Nguyễn Văn V (anh không biết địa chỉ) cụ thể ở đâu, đến bao vây nhà anh để đòi nợ, ông A yêu cầu gặt tiền nợ từ chị U sang cho ông Nguyễn Văn V lấy, nghĩa là chị U nợ tiền từ chị Kh thì chị U có trách nhiệm trả nợ cho ông V. Do ông V dọa chém cả gia đình anh nên anh cũng đồng ý giao trả cho ông V. Đến ngày 30/02/2015 thì anh và chị U đã có phần đất của anh và trả đủ số tiền 210.000.000đ cho ông V và ông V có ký nhận theo tờ biên nhận anh đã cung cấp cho Tòa án. Anh xác định “Tờ thỏa thuận” đề ngày 10/02/2015 có chữ ký của chị Nguyễn Thị U, người đại diện người lân cận bà Đỗ Hồng U là tờ thỏa thuận do ông A đưa cho ông Nguyễn Văn V đến nhà anh để đòi nợ, anh không biết chữ viết của ai. Sau khi trả đủ số tiền nợ cho ông V thì anh đã ghi thêm vào “tờ thỏa thuận” trên với nội dung: “*anh Đỗ Văn A đập nợ cho anh vũ lấy ngày 30/02/2015 trả tiền đủ người trả là ông Phan Minh Q ấp long phú xã an phúc huyện đông hải tỉnh bạc liêu, trả đủ tiền cho anh nguyên văn vũ anh á đao quyền cho anh vũ lấy*”. Nay, anh xác định đã trả nợ xong, nên không đồng ý giao trả theo yêu cầu của bà Khoe.

Từ nội dung trên, Bản án số 123/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kh đối với chị Nguyễn Thị U và anh Phan Minh Q.

Buộc chị Nguyễn Thị U và anh Phan Minh Q có trách nhiệm giao trả cho chị Đỗ Thị Kh số tiền 208.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, chị Nguyễn Thị U kháng cáo không đồng ý trả tiền cho chị Kh vì chị đã trả nợ xong cho chị Kh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị U và anh Q trình bày ý kiến tranh luận: Anh chị đã trả xong nợ cho chị Kh thông qua người tên V do ông A gặt nợ nên không đồng ý trả tiền cho chị Kh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Kh là ông Đỗ Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến tranh luận: Yêu cầu chị U và anh Q trả tiền cho chị Kh theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị U. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án số 123/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị U gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, anh Phan Minh Q, chị Nguyễn Thị U xác định có ông Nguyễn Văn V là người chị U, anh Q trả nợ nhưng đều

không biết ông V là ai, địa chỉ ở đâu nên Tòa án không đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị U không đồng ý trả tiền cho chị Kh do chị U đã trả xong, thấy rằng:

[2.1] Vào năm 2015, chị U có tham gia chơi các dây hụi do chị Kh làm chủ, các dây hụi hiện nay đã mãn, việc chơi hụi không làm giấy tờ nhưng chị Kh, chị U có chốt nợ hụi với nhau, chị Kh còn thiếu nợ hụi là 186.000.000 đồng; chị U có vay thêm chị Kh số tiền 24.000.000 đồng. Tổng số tiền chị U nợ chị Kh là 210.000.000 đồng và có viết “Tờ thỏa thuận” nhận nợ vào ngày 10/02/2015, nội dung trong tờ thỏa thuận thể hiện: *“tôi có vô hụi và tiền cho chị Nguyễn Thị U 33 tuổi, ấp Long Ph, xã An Ph, huyện DH, BL đến thời điểm ngày 10/2/2015 số tiền là 210.000.000 đồng. Bên chị U có đồng nhất thiếu số tiền nói trên, nay vì đi làm ăn xa có giao lại cho cha ruột là ông Đỗ Văn A gom và thu tiền giùm Kh, còn bàn cách trả thì hai bên thỏa thuận”*, có chị Kh, ông A, ông Đỗ Hồng A là người viết tờ thỏa thuận và chị U cùng ký tên (Bút lục số 01).

[2.2] Ngày 24/5/2022, ông A có làm tờ xác nhận về việc ông là người viết tờ thỏa thuận nợ giữa chị Kh và chị U. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm chị U cũng thừa nhận chữ ký trong tờ thỏa thuận này đúng là chữ ký của chị, chị U thừa nhận còn thiếu chị Kh là 210.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định chị U có nợ chị Kh số tiền 210.000.000 đồng.

[2.3] Mặc dù, cả ông A là người đại diện theo ủy quyền của chị Kh và chị U đều không xác định được số tiền hụi thiếu bao nhiêu nhưng do trước đó đã chốt được số nợ đã thiếu 210.000.000 đồng và có giấy tờ thể hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị U còn thiếu nợ chị Kh là phù hợp. Tuy nhiên, ông A là người đại diện theo ủy quyền cho chị Kh xác định ngày 27/12/2019, chị U có trả cho chị Kh số tiền 1.000.000 đồng; ngày 19/02/2020 chị U có trả cho chị Kh số tiền 500.000 đồng. Nên đối trừ, nay ông A chỉ yêu cầu chị U, anh Q giao trả số tiền 208.500.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị U, anh Q trả cho chị Kh số tiền 208.500.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Đối với ý kiến trình bày của chị U và anh Q xác định trước đây chị U có chơi hụi và vay tiền của chị Kh nhưng tổng số tiền khoảng 80.000.000 đồng do lãi suất cao nên kê vốn và lãi thành 210.000.000 đồng, buộc chị trả, tiền nợ này do chơi số đề thiếu, không phải là nợ hụi hoàn toàn. Tuy nhiên, chị không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Còn đối với việc vợ chồng chị U, anh Q xác định đã trả nợ xong cho ông A và cung cấp Tờ thỏa thuận trả nợ ngày 10/02/2015 có thể hiện đã trả nợ xong cho ông A.

Căn cứ “Tờ thỏa thuận” đề ngày 10/02/2015 do anh Q, chị U cung cấp, nội

dung trong tờ thỏa thuận thể hiện: “tôi có vô hui và tiền cho chị Nguyễn Thị U 33 tuổi, ấp Long Ph, xã An Ph, huyện DH, BL đến thời điểm ngày 12/2/2015 số tiền là 210.000.000 đồng. Bên chị U có đồng nhất thiếu số tiền nói trên..”. Đồng thời trong tờ thỏa thuận này có thêm nội dung: “anh đổ văn á đập nợ cho anh vũ lấy ngày 30 tháng 02 năm 2015 trả tiền đủ người trả là ông Phan Minh Q...”. Xét Tờ thỏa thuận do vợ chồng anh Q, chị U cung cấp thì nội dung thể hiện giống như Tờ thỏa thuận của ông A cung cấp nhưng phần ký tên xác nhận không có chữ ký của chị Kh, ông A, chỉ có chữ ký của chị U và người tên Đỗ Hồng U; phần dưới chữ ký có đoạn ghi ông A đập nợ (gặt nợ) cho ông Vũ ngày 30/02/2015 đã trả đủ tiền cho ông V và người ký tên nhận tiền là Nguyễn Văn V (Bút lục số 31).

Theo anh Q xác định anh đã trả đủ số tiền 210.000.000 đồng cho người tên V, do ông A gặt nợ (chuyển qua) cho ông V lấy và nội dung đã trả tiền này là do anh ghi thêm vào. Ông A không thừa nhận việc ông đã gặt nợ sang cho ông V và ông cũng không biết ông V là ai và địa chỉ ở đâu. Giữa chị Kh, ông A cũng không có sự thỏa thuận về việc này và cũng không có chữ ký xác nhận về việc ông A gặt nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị U và anh Q cho rằng Tòa án không xem xét giấy nhận nợ cũng như không xác minh việc vợ chồng chị đã trả tiền cho chị Kh xong. Xét thấy, đây là chứng cứ do vợ chồng chị U cung cấp nên nghĩa vụ chứng minh là của vợ chồng chị U, anh Q; việc vợ chồng chị U, anh Q không chứng minh được ông V là ai, địa chỉ cụ thể ở đâu cũng như việc gặt nợ và trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị U; Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 123/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị U không được Tòa án chấp nhận nên chị U phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị U đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009539 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị U. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kh.

2. Buộc chị Nguyễn Thị U và anh Phan Minh Q có trách nhiệm liên đới giao trả cho chị Đỗ Thị Kh số tiền 208.500.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Đỗ Thị Kh không phải chịu. Chị Đỗ Thị Kh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0009282 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Anh Phan Minh Q và chị Nguyễn Thị U có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 10.425.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị U đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009539 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm 123/2022/DS-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh